

Tên:

Từ vựng & Ngữ pháp:

Lớp: S2...

Nghe:

Ngày giao bài: Thứ..., ngày.../....

Ngày nộp bài: Thứ..., ngày.../....



GLOBAL ENGLISH 2

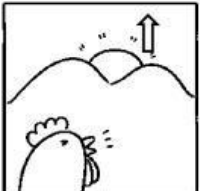
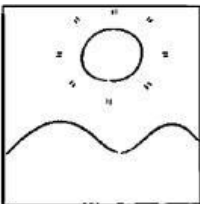
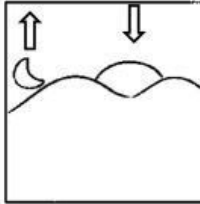
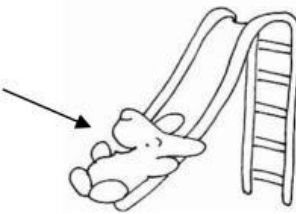
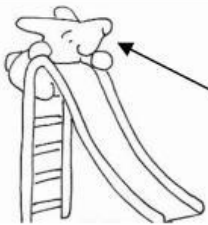
Unit 3+4 - Supplementary Vocabulary + Revision

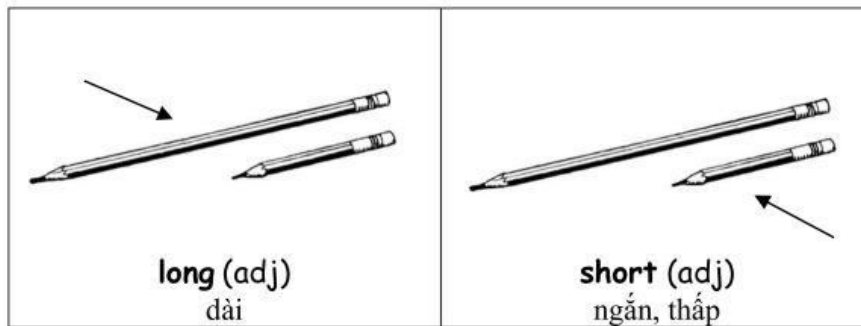
A. VOCABULARY

❖ Action (Hành động)

				
wave (v) vẫy tay	stand (v) đứng	hop (v) nhảy lò cò	fall (v) ngã	flap (v) vỗ cánh (tay)
				
wiggle (v) lắc lư	nod (v) gật đầu	kick (v) đá	climb (v) leo, trèo	balance (v) giữ thăng bằng

❖ Others (Khác)

		
in the morning (phr) vào buổi sáng	at midday (phr) vào buổi trưa	in the evening (phr) vào buổi tối
		
shadow (n) bóng râm, hình bóng	low (adj) thấp	high (adj) cao



B. EXTRA VOCABULARY

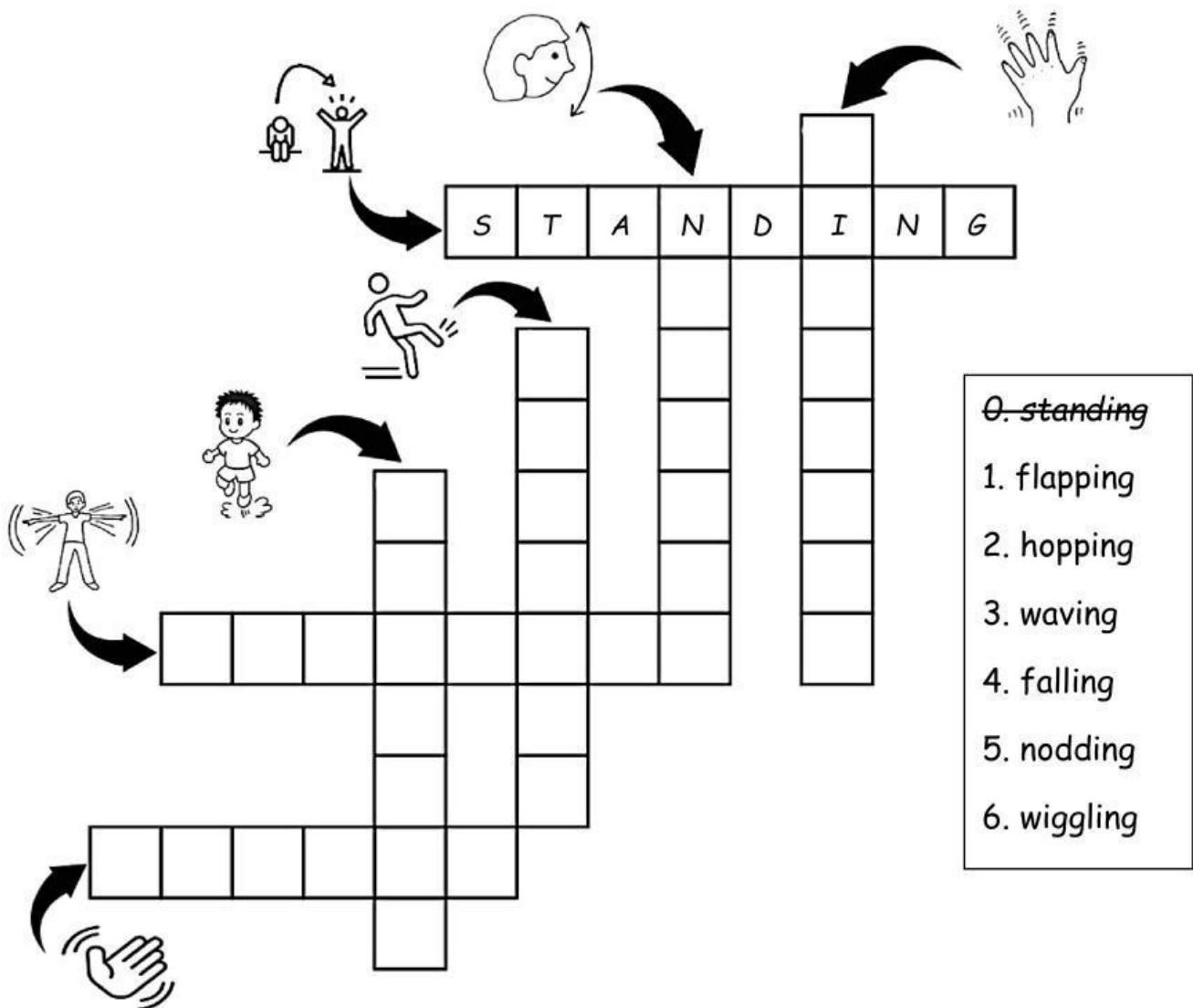
No.	Words	Meanings
1	family (n)	gia đình

***Note:** n = noun: danh từ; v = verb: động từ; adj = adjective: tính từ; phr = phrase: cụm từ.

***Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 ĐỒNG vào vở ghi.**

C. HOMEWORK

Exercise 1. Do the crossword. (Hoàn thành ô chữ.)



Exercise 2. Trace the given words. (Tô theo các từ đã cho.)

wave stand hop fall flap wiggle

nod kick climb balance shadow

in the morning at midday high

in the evening low long short

Exercise 3. Read and circle the correct answers. (Đọc và khoanh tròn đáp án đúng.)

0.		He football yesterday.
		a. play b. played
1.		She TV.
		a. watched b. watch
2.		He happy.
		a. was b. am
3.		They at the park.
		a. is b. were
4.		What he do yesterday?
		a. did b. do
5.		He his room yesterday.
		a. clean b. cleaned



Part 2 – 5 questions

Read the questions. Listen and write a name or a number.

There are two examples.



Examples

- What's the girl's name? → Kim
- How many brothers has she got? → 1

Questions

1. What's Kim's brother's name? A.....
2. How old is Kim's brother?
3. What's Kim's family name? B.....
4. What's the name of Kim's school? F..... Street School
5. What number is Kim's flat?